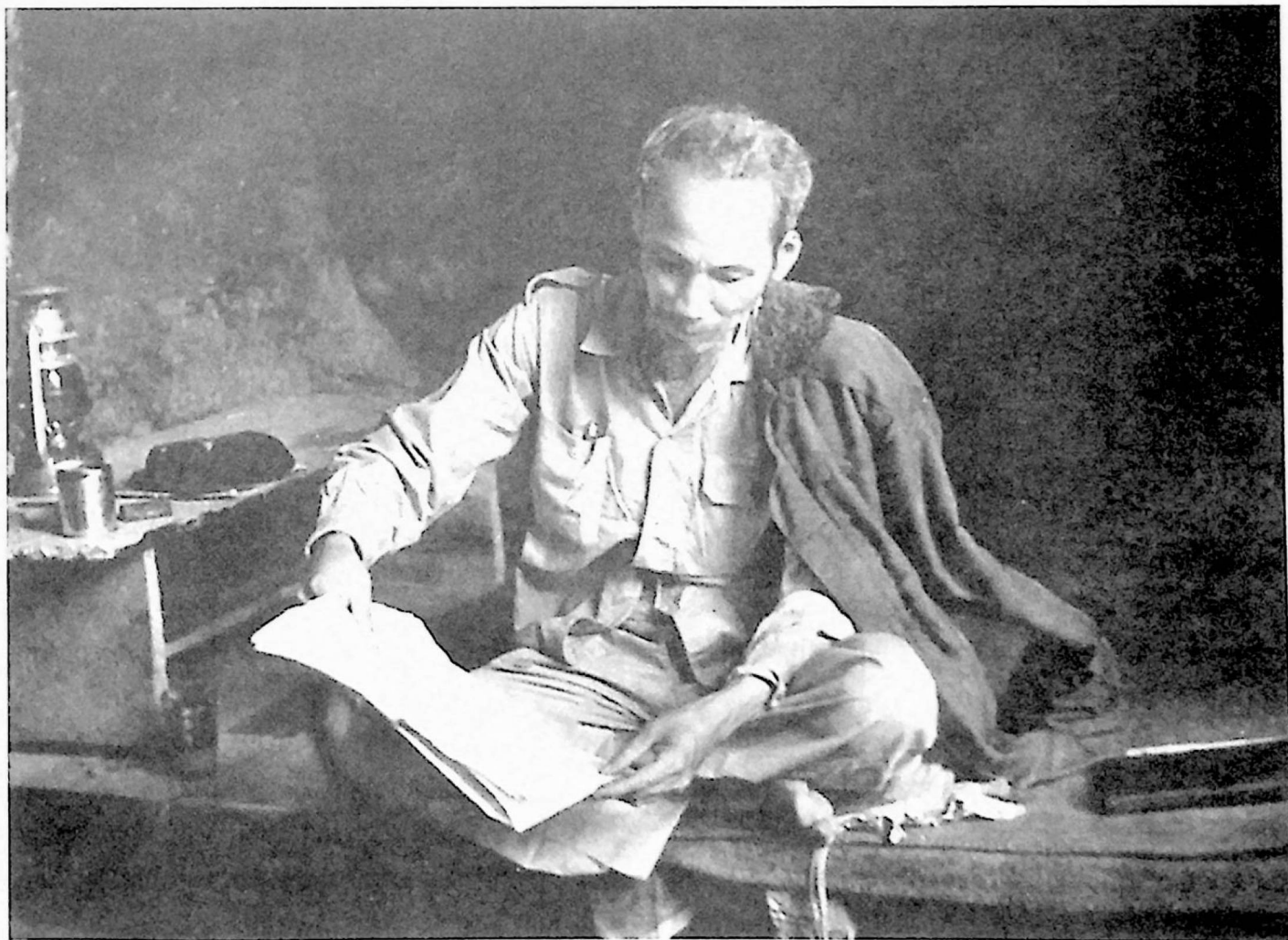


# TỪ PÁC BÓ ĐẾN TÂN TRÀO

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

Lời Ban Biên tập: Cách đây 80 năm, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sau 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài đã trở về Tổ quốc, trực tiếp cùng với Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhân kỷ niệm 80 năm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28-1-1941 - 28-1-2021), Tạp chí Lịch sử Đảng trích đăng bài hồi ký "Từ Pác Bó đến Tân Trào" của Đại tướng Võ Nguyên Giáp in trong tác phẩm *Đầu Nguồn* do Nhà xuất bản Văn học Hà Nội ấn hành năm 1975.



Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc trong hang đá ở Việt Bắc năm 1951

“Thấm thoát đã một năm trời xa Tổ quốc, đặt chân lên dải đất quê hương, lòng chẳng khỏi bồi hồi. Mỗi bước đi thấy trong người ấm áp hơn lên. Chỉ vừa mới đi thêm mấy bước chân mà trước đó thì thấy như ở rất xa, lúc này lại thấy như đã ở gần nhà.

Vùng này núi đất xen với núi đá, địa thế hiểm trở. Những chòm nhà nhỏ của đồng bào Nùng nằm thưa thớt giữa những nương ngô trên sườn núi hay bên những thửa ruộng nhỏ dưới thung lũng. Sương trắng từng dải đọng trên các đầu núi. Khung cảnh Pác Bó hiện ra trước mắt như một bức tranh thủy mặc.

Khắp vùng này đều đã có cơ sở. Chúng tôi vừa đi vừa ngắm núi non, đất nước. Nhớ lại lúc vượt sông Nậm Ti hết ngó trước lại ngó sau, cảm thấy vui vui với ý nghĩ, cả nước tuy còn nằm dưới ách thống trị của bọn đế quốc, nhưng ở nơi này đã có một mảnh đất tự do.

Đi chẳng bao lâu, tôi đã nhận ra Bác đang ngồi trên một phiến đá. Sau bao nhiêu năm xa nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Bác đã trở về góc rừng hoang vắng của Tổ quốc với bộ quần áo chàm giản dị, rất tự nhiên trong vai một ông già người Nùng. Gần chỗ Bác ngồi, dưới chân những khối nhũ đá nhấp nhô, hình thù kỳ dị, nước từ khe núi chảy ra đọng lại trong vát.

Bác trò dòng nước rồi nói:

- Đây là suối Lênin.

Trèo qua một quả núi đá không cao lắm, lách người đi hết một đám lau rậm, thì thấy hiện ra một cửa hang. Trong hang âm lạnh không có đồ đạc gì ngoài chiếc sàn nằm làm bằng những cành cây nhỏ gác ngang, gác dọc. Chính ở đây vào tháng 5 năm đó, Hội nghị Trung ương lần thứ Tám đã họp dưới sự chủ tọa của Bác, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Trong hội nghị này, Trung ương đã quyết định duy trì phát triển cơ sở du kích ở

Bắc Sơn - Vũ Nhai, đồng thời ra sức củng cố và mở rộng cơ sở Cao Bằng, xây dựng hai nơi đó làm trung tâm của công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại Việt Bắc. Cũng tại đây, Bác đã nhân danh nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc viết lá thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Việc cứu nước là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm ... Hỡi các chiến sĩ cách mạng, giờ giải phóng đã đến! Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của các bậc anh hùng đương sôi sục trong lòng các đồng chí...”.

Những lời lẽ tâm huyết của Bác đã gây một tác động lớn trong đồng bào và các đồng chí ta suốt từ Bắc chí Nam.

Cứ khoảng hai tuần lễ, anh Đồng, anh Hoan và tôi lại thay phiên nhau từ Tỉnh Tây về Pác Bó báo cáo. Con đường đã trở nên quá quen thuộc. Đi dọc đường, gặp trời tối ở đâu, cũng có thể tạt vào bên đường tìm được nhà quen và được đổi đãi như bà con thân thuộc...

Anh Phùng Chí Kiên ở cùng Bác tại Pác Bó một thời gian thì lên đường về Bắc Sơn.

Cuối tháng 9-1940, khi chúng tôi còn ở Trung Quốc, nhân lúc quân đội Nhật tràn vào Lạng Sơn, bọn Pháp rút chạy, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của một số đồng chí đảng viên tại địa phương đã đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị địch tập trung đàn áp, Trung ương đã quyết định tăng cường cán bộ, duy trì phong trào tại đây. Vào đầu năm 1941, đội du kích Bắc Sơn đã thành lập. Theo quyết định của Hội nghị Trung ương lần thứ Tám tại Pác Bó, xây dựng Bắc Sơn - Vũ Nhai và Cao Bằng thành hai trung tâm khởi nghĩa tại Việt Bắc, anh Phùng Chí Kiên được cử về cùng các anh Huy, Chu Văn Tấn mở rộng khu căn cứ và chỉ huy đội du kích Bắc Sơn<sup>1</sup>.

Anh Vũ Anh ở lại Pác Bó với Bác.

Sáng nào Bác cũng dậy rất sớm và gọi mọi người cùng dậy. Bác tập thể dục rất đều, tập xong lạnh mấy cũng đi tắm suối, rồi bắt đầu làm việc. Khi Bác khai hội, khi Bác nghiên cứu, khi Bác xuống làng nói chuyện với đồng bào, có khi Bác đi lấy củi. Bữa cơm của Bác chỉ có chút thịt muối hoặc con cá con bắt được dưới suối.

Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quay quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện. Một lần, bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng ta.

Khuya khuya, mọi người ngủ chung cả trên sàn. Những cành cây ngổn ngang dưới lưng, nằm vừa đau vừa lạnh.

Có lần, Bác viết một cuốn lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay. Bác đã viết vào cuối trang mục lục: “Việt Nam độc lập năm 1945”. Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Để rồi xem”.

Về nước một thời gian, Bác chỉ thị cho cơ quan ra một tờ báo để hướng dẫn phong trào. Chuẩn bị cho tờ báo ra đời cũng khá khó khăn. Các đồng chí ở địa phương mày mò mãi mới kiếm về được một cái bia đá. Bác cùng các đồng chí thay nhau mài mấy ngày liền mới hết những chữ nho khắc trên mặt bia. Giấy bản in báo do các chị phụ nữ mua từng ít một trong các phiên chợ đem về góp lại. Tên báo là *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là Việt Lập vì khuôn khổ tờ báo nhỏ, chữ, theo chỉ thị của Bác, lại viết to để đồng bào đọc dễ dàng, nên các bài viết phải rất ngắn. Có lần tôi ở Tỉnh Tây về Bác phân công viết một bài về phong trào phụ nữ cho báo *Việt Lập*. Bác nói:

- Chú viết đúng một trăm chữ, viết hơn thì không có chỗ đăng đâu.

Tôi ngồi viết cảm thấy khó quá. Thời gian qua ở Tỉnh Tây, chúng tôi cũng ra báo. Cũng chỉ là báo in thạch, nhưng giấy sần, khuôn khổ tờ báo rộng, bài viết thoải mái chứ không hạn chế như thế này.

Thấy tôi ngồi viết khó khăn, Bác cười rồi bảo:

- Báo của các chú có gửi về nhưng mình không xem hết, mà ở đây cũng không mấy ai xem. Báo của các chú văn hay, chữ nhiều nhưng khó đọc, và có đọc được cũng không mấy ai hiểu. Báo *Việt Lập* tuy đơn giản nhưng dễ đọc dễ hiểu.

Về sau có dịp đi công tác tại các địa phương, tôi mới thấy hết tác dụng rất to lớn của tờ báo; đồng bào ở khắp các nơi đều rất hoan nghênh báo *Việt Lập*.

... Khi trở lại Tỉnh Tây ít ngày, chúng tôi biết Nguyễn Hải Thần đã dò được tung tích của chúng ta, và đã tố giác với bọn Quốc dân Đảng. Chúng đã nắm được tên thực của anh Phạm Văn Đồng và tôi. Bọn Quốc dân Đảng thay đổi thái độ ngay. Các anh lập tức cử tôi về báo cáo lại tình hình với Bác.

Từ ngày Bác về nước, cơ quan đã thay đổi địa điểm mấy lần. Đồng bào Nùng tại đây rất tốt vì đã cảm tình và liên lạc với cách mạng từ trước. Vùng này rất hẻo lánh nhưng bọn Tây và quân lính ở các đồn phía dưới Sóc Giang vẫn thường kéo lên, khi lùng bắt những người trong làng nấu rượu lậu, khi tìm thổ phi, khi dò la tung tích cách mạng. Nơi ở đầu tiên của Bác tại Pác Bó (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng-BBT) tuy ẩm lạnh nhưng vẫn là nơi ở tốt nhất. Tại đây, có hang, không sợ mưa nắng. Địa điểm thứ hai, là một hốc núi nhỏ ở rất cao và rất sâu trong rừng bên ngoài chỉ rập ít cành lau. Nhưng khi trời mưa to rấn rết chui cả vào chỗ nằm. Có buổi sáng, Bác thức dậy thấy một con rắn rất lớn nằm khoanh tròn ngay cạnh người. Về đây, Bác hay sốt. Nhiều lần, Bác đang ngồi họp

thì lên cơn sốt, mặt tái ngắt, tay chân run cầm cập. Chúng tôi mời bác đi nằm nhưng bác nói: “Nằm càng mệt, ngồi thế này có đấu tranh đỡ hơn”.

Lần này, tôi trở về nước, cơ quan đã chuyển sang một địa điểm mới. Đường đi hiểm trở hơn những lần trước. Phải lội ngược mãi một con suối nằm giữa những ngọn núi cao; gần đến cơ quan lại phải vượt qua ba thác nước, leo lên một cái thang qua một vách đá, mới vào đến nhà. Lán của cơ quan cất dưới lùm cây, song, mây chằng chịt, vừa tối, vừa ẩm. Bác chỉ một cái lạch nước mới khơi, tạt tay Bác đã xếp than sôi và các làm chỗ lọc nước, nói:

- Chú xem, cơ quan ta chuyển về đây lại có cả nước lọc.

Ở đây, hẻo lánh âm u vô cùng. Tôi biết nhiều ngày các đồng chí trong cơ quan đi công tác, đêm khuya, chỉ có Bác với một đồng chí bảo vệ nằm nghe tiếng gió rừng cùng với tiếng beo gầm.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, Bác quyết định, tôi không sang Tĩnh Tây nữa, tin cho anh Đồng ở bên đó cũng trở về, chỉ để mình anh Hoan ở lại duy trì biện sự xứ và liên hệ với anh em học sinh quân. Ít lâu sau, anh Hoan bị bọn Quốc dân Đảng bắt một thời gian.

... Khởi bệnh ít lâu, tôi trở về nơi Bác ở. Mỗi lần đi công tác về cơ quan cảm thấy như đang trở về với gia đình. Chuyển vừa rồi, tôi xa cơ quan tương đối lâu ngày.

Được ở gần Bác một thời gian, tôi đã nhận thấy qua cái bề ngoài vô cùng giản dị của Bác, con người Bác thật vĩ đại và chính bản thân cách sống giản dị đó cũng là một điều vĩ đại trong con người của Bác.

Từ ngày tôi về nước, cơ quan lại thay đổi địa điểm thêm nhiều lần. Địch càng khùng bố, sinh hoạt của cơ quan càng khó khăn hơn. Khi Bác ở hang, khi ở hốc núi, khi ở trong một bụi rậm. Giường nằm là dăm ba cành cây, đôi lúc chỉ

một mớ lá. Sức khỏe của Bác có phần giảm sút. Bác sốt rét luôn. Thuốc men gần như không có gì ngoài lá rừng lấy về sắc uống theo cách chữa bệnh của đồng bào địa phương. Cái ăn cũng rất thiếu. Món ăn quý giá anh Lộc giành riêng bồi dưỡng cho Bác hằng ngày là ít nước cơm chất. Có thời gian cơ quan chuyển vào vùng núi đá trên khu đồng bào Mán trắng, gạo không có, Bác cũng như các anh khác phải ăn toàn cháo bẹ hàng tháng ròng.

Ở bất cứ hoàn cảnh sinh hoạt nào, tôi cũng thấy Bác thích nghi một cách rất tự nhiên. Chẳng hiểu Bác được rèn luyện từ bao giờ, như thế nào, mà mọi biến cố đều không mấy may lay chuyển được. Tôi nhớ mãi một lần ở Tĩnh Tây... Hôm ấy, có cuộc hẹn gặp người từ trong nước ra. Bác và chúng tôi đều cải trang thành những người Nùng để đi tới nơi hẹn tại chợ Lộc Tùng. Đồng chí liên lạc vừa tới, trông thấy Bác nói ngay: “Thưa Bác, đồng chí X. bị bắt rồi”. Bác điềm nhiên bảo tất cả hãy vào hàng nghỉ ngơi như mọi người trong vùng này đi chợ. Khi ăn phở, ăn bún xong, ngồi uống nước Bác mới nói: “Bây giờ chú báo cáo đầy đủ mọi việc đi không nên vội vã”. Bác khi nào cũng bình thản, bình thản trước mọi khó khăn. Mỗi lần về họp, cán bộ các nơi báo cáo tình hình phong trào nơi này lên, nơi kia xuống, có khi nhiều nơi cùng bị khủng bố. Bác vẫn bình thản. Trong sự bình thản của Bác còn toát ra một tinh thần rất lạc quan. Bác đúng là hiện thân của người dân trên đất nước Việt Nam nhỏ bé, đói nghèo vì bị áp bức bóc lột cùng cực bao đời nay, nhưng anh dũng và bất khuất, không chịu lùi bước trước bất cứ sức mạnh nào và hoàn toàn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp của cách mạng, của nhân dân, của dân tộc. Gần Bác, chúng tôi như luôn luôn được nhắc nhở: Cách mạng gian khổ, việc cách mạng là việc lâu dài, cách mạng nhất định sẽ thắng.

Bác thường nói: “Muôn việc lấy Đảng làm gốc, Đảng là gia đình của người cộng sản”. Ở bên Bác, bao giờ chúng tôi cũng thấy không khí đầm ấm, gần gũi, chỉ có được trong một gia đình cách mạng. Thái độ điềm đạm, bình tĩnh và những sự chăm sóc yêu thương của Bác đã giáo dục, rèn luyện và tiếp sức cho chúng tôi trên con đường hoạt động cách mạng. Qua bao biến cố có tính chất quyết định vận mệnh của dân tộc từ đó cho tới ngày nay tôi thấy Bác vẫn vậy, vẫn như ngày chúng tôi được sống cùng Bác tại chiến khu Cao-Bắc-Lạng.

Suốt thời gian qua, Bác luôn luôn chú ý chỉ đạo việc phát triển và củng cố phong trào. Bác rất chú trọng công tác tuyên truyền và công tác tổ chức. Bác theo dõi thật tỉ mỉ cán bộ, đảng viên và các phần tử trung kiên. Bác hay nói: “Phong trào cách mạng như nước thủy triều khi lên khi xuống, trung kiên cũng như những hàng cọc, cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống”. Gần như thành lệ, mỗi khi nghe báo cáo phong trào, bao giờ Bác cũng hỏi: “Đã được bao nhiêu cán bộ, bao nhiêu phần tử trung kiên, đã chọn được bao nhiêu người tốt để tổ chức vào Đảng?”. Mỗi lần Bác nhắc đi, nhắc lại như thế, giúp cho chúng tôi thấy rõ hơn giá trị của các thành phần cốt cán, nhất là các tổ chức chi bộ đối với phong trào. Và mỗi lần Bác đã hỏi hoặc nói lại, thì công việc và vấn đề lại được đề ra với những cách giải quyết mới không phải cứ theo nếp cũ, mà rất linh hoạt thích hợp với hoàn cảnh mới. Với những cán bộ mới ở miền xuôi lên Bác đặc biệt hay nhắc nhở chú trọng vấn đề đoàn kết dân tộc. Vấn đề to lớn này được Bác nói tới với những việc cụ thể, thiết thực, để mọi người có thể làm được ngay. Bác nói, phải chú ý đến phong tục, tập quán của các dân tộc phải gắng học các tiếng nói của các địa phương.

Lần này về cơ quan, tôi nhận được một quyết định mới.

Theo chỉ thị của Bác và quyết định của liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng, công tác Nam tiến được đặt ra một cách rất khẩn trương.

Ngay từ khi về biên giới, Bác đã luôn luôn chú trọng vấn đề liên lạc với Trung ương dưới xuôi. Hội nghị trung ương lần thứ Tám quyết định lấy miền núi phía Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang. Sau Hội nghị, hai đồng chí Trung ương ở với Bác tại Cao-Bắc-Lạng. Các đồng chí khác trở về miền xuôi để lãnh đạo phong trào. Vấn đề liên lạc giữa Cao Bằng với vùng xuôi trở nên đặc biệt quan trọng. Bác thường nói: “Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó bảo đảm thắng lợi”.

Trước tình hình phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước, Bác thấy ngoài lối liên lạc thường dùng bằng giao thông bí mật phải cấp tốc tổ chức những con đường quân chúng từ Cao Bằng đi về miền xuôi. Có thể, khi địch khủng bố mới giữ được liên lạc, những hoạt động vũ trang của các đội du kích mới có thể tiến hành thuận lợi, và nhất là mới tranh thủ kịp khi thời cơ biến chuyển tốt, cách mạng có thể tiến lên tổng khởi nghĩa...

Tôi được biết Bác chuẩn bị đi xa. Sau khi trao nhiệm vụ Nam tiến cho chúng tôi, Bác nói: “Chú Văn phải chú trọng thêm chính trị”.

Khi chúng tôi quay trở về tiến hành công tác thì Bác lên đường ra nước ngoài”.

---

1. Xem tập: *Một năm trên biên giới Việt-Trung*: Hồi ký về Cứu quốc quân của đồng chí Chu Văn Tấn.